

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2017/HS-ST

Ngày: 29/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Văn Luật

2. Ông Luân Văn Lý

Thư ký phiên tòa: Ông Lục Trường Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 85/2017/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2017/QĐXXST- HS ngày 17/11/2017 đối với các bị cáo:

1. LỤC KIM H, sinh ngày 22/5/1990 tại TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú: Tổ M, thị trấn TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở: Tổ M, thị trấn TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn 12/12 phổ thông;

Con ông: Lục Văn M, sinh năm 1964; Con bà: Lê Thu H, sinh năm 1963; Điều trú tại tổ M, thị trấn TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng;

Anh chị em ruột: Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình;

Tiền án: Không; Tiền sự : Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 14/9/2017 đến 20/9/2017 (theo Quyết định tạm giữ số 79/CATP ngày 14/9/2017; Quyết định gia hạn tạm giữ số 53/CATP ngày 15/9/2017). Ngày 20/9/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú; Có mặt.

2. ĐẶNG ĐỨC T, sinh ngày 13/5/1985;

Hộ khẩu thường trú: Tổ HT, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở: Tổ HT, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn 12/12 phổ thông.

Con ông: Đặng Văn K, sinh năm 1957; Con bà: Bế Thị L, sinh năm 1960; Đều trú tại Tổ HT, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Anh chị em ruột: Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con cả trong gia đình;

Vợ: Lưu Khánh P, sinh năm 1988, trú tại: Tổ HT, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Con: Bị cáo có 02 con, con lớn năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 14/9/2017 đến 20/9/2017 (Theo Quyết định tạm giữ số 80/CATP ngày 14/9/2017; Quyết định gia hạn tạm giữ số 54/CATP ngày 15/9/2017); Ngày 20/9/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú; Có mặt.

Người bị hại: Long Văn H

Cư trú tại: Xóm KĐ, xã KĐ, huyện TA, tỉnh Cao Bằng); Vắng mặt.

Người làm chứng bắt buộc:

1. Bà Hoàng Thị T

Cư trú tại: Tổ C, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Có mặt.

2. Bà Lê Thị Thanh T

Cư trú tại: Tổ C, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Có mặt.

Người làm chứng: Bà Trần Thị H

Cư trú tại: Tổ C, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/9/2017 Công an thành phố Cao Bằng tiếp nhận trình báo của anh Long Văn H (Sinh năm 1990, trú tại Xóm KĐ, xã KĐ, huyện TA, tỉnh Cao Bằng) trình báo về việc tối ngày 10/9/2017 tại phòng trọ của chị Hoàng Thị T (Sinh năm 1977; Trú tại Tổ C, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) bị hai thanh niên vào phòng đánh và cưỡng đoạt tài sản (Số tiền 3.000.000đ “Ba triệu đồng chẵn”). Long Văn H viết đơn đề nghị Công an giải quyết. Đến hồi 14 giờ ngày 14/9/2017, do thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Lục Kim H (Sinh ngày 22/5/1990; Trú tại Tổ M, thị trấn TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng) và Đặng Đức T (Sinh 13/5/1985; Trú tại Tổ HT, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) đã đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đầu thú về hành vi chiếm đoạt tài sản của Long Văn H.

Qua điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lục Kim H và Đặng Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Bị cáo Lục Kim H và Hoàng Thị T có quan hệ tình cảm với nhau, sống với nhau như vợ chồng tại phòng trọ ở tổ C, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Trưa ngày 10/9/2017 bị cáo H và T do mâu thuẫn nên bị cáo H đã phá khóa cửa dọn đồ sang phòng của bị cáo Đặng Đức T và Lê Thị Thanh T ở (T và T sống với nhau như vợ chồng ở phòng bên cạnh T). Ngày 10/9/2017 T vẫn dọn quán để bán hàng nước ở QT như thường ngày (Thuộc tổ C, phường ĐT, thành phố CB). Đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, ông Long Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11BM-047.97 vào quán của T trú mưa. Qua nói chuyện làm quen, T có nhờ H đưa đi ăn cháo, ăn đồ nướng, H nhất trí. Sau khi ăn cháo xong, H đưa T về phòng trọ của T (Lúc này khoảng một giờ sáng ngày 11/9/2017). T bảo H vào phòng rửa chân tay, H vào rửa chân tay quay ra thì đã thấy T dắt xe máy của H vào phòng và đóng cửa lại. Cùng lúc đó thì các bị cáo H và T dọn đồ bán hàng quán của T về phòng trọ, thấy phòng T điện vẫn còn sáng nên các bị cáo ở ngoài ngó vào phòng nhìn thấy T đang thay quần áo và nhìn thấy xe máy. Bị cáo H gọi và gõ cửa phòng T, bảo T mở cửa. T bảo H vào nhà vệ sinh rửa, sau đó các bị cáo H, T vào phòng. Bị cáo H dọa nạt H, dùng tay tát H một cái vào mặt và quay ra cãi nhau với T và mắng H. Khi đó, bị cáo T dùng tay tát vào mặt H và yêu cầu H bồi thường danh dự số tiền 3.000.000 đồng cho H, H cho rằng lúc đó không có tiền, đến sáng mai mới có. Bị cáo T kiểm tra H thấy có tiền, 01 chứng minh nhân dân, 01 bảo hiểm mô tô xe máy, 01 giấy đăng ký xe máy, tất cả đều mang tên Long Văn H để trong túi quần. Bị cáo T lấy giấy bút và đọc cho H viết giấy bán xe cho T và H (Viết với mục đích để H mang tiền đến). Bị cáo T giữ lấy giấy tờ ở trên, còn H thì cầm điện thoại Samsung J3 của H có tát vào mặt H một cái và nói cảnh cáo đây là lần cuối, yêu cầu H phải đưa số tiền trên cho H và T. Sau đó T cầm giấy tờ xe máy và chìa khóa xe máy của H về phòng trọ, H bảo H ngủ ở lại phòng của T mai về, khi về thì gọi H. Sau đó H ra khỏi phòng và khép cửa lại rồi về phòng T ngủ. Đến khoảng 06 giờ ngày 11/9/2017, do sợ H đánh nên T không dám tự tiện mở cửa cho H về mà gọi H. H và T đồng ý, bị cáo H lấy chìa khóa xe máy cho H và đưa cho H điện thoại của T cầm về để liên lạc với H khi lấy có tiền, khi H lên xe máy đi được khoảng 30m thì bị cáo H gọi H quay lại và hỏi chỗ tiền lẻ của H để trong túi quần. H bỏ tiền ra đếm có 170.000đ (Một trăm bảy mươi nghìn đồng), H cầm 150.000đ và bảo khi nào H mang số tiền 3.000.000 đồng đến thì trả lại số tiền này. H đi về và báo Công an phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H gọi điện cho bị cáo H hẹn ra quán TT ở vòng xuyên KmN, ĐT để lấy tiền. H và T sau đó đi đến địa điểm hẹn. Khi đến nơi, thấy có Công an mặc thường phục, T và H bỏ đi về nhà ở Tổ HT, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Đồng thời, gọi điện cho T lên nhà lấy giấy tờ xe máy và điện thoại mang trả cho H. T đến gặp T ở cầu SH để lấy giấy tờ, sau đó về phòng trọ T không thấy T và T đưa giấy tờ, điện thoại nhờ bà Trần Thị H ở đầu ngõ phòng trọ đưa cho T. Công an thành phố Cao Bằng tiến hành tạm giữ toàn bộ giấy tờ và điện thoại di động với chị Hoàng Thị T (Giấy tờ

mà T bắt H viết bán xe thì T vứt ở thùng rác ngoài đường) cơ quan điều tra không thu giữ được.

Hành vi của các bị cáo Lục Kim H và Đặng Đức T đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố về hành vi Cường đoạt tài sản theo khoản 1 điều 135 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng số 84/KSĐT –SH Ngày 09/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Lục Kim H và Đặng Đức T về tội “Cường đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố: Hành vi của các bị cáo Lục Kim H và Đặng Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cường đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 22/9/2017 bị cáo Lục Kim H đã nộp lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) để trả lại cho H. Ngày 28/9/2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho anh Long Văn H toàn bộ giấy tờ, điện thoại và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về các tài sản: Số tiền 150.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung J3 màu xanh tím than, 01 chứng minh thư nhân dân, 01 bảo hiểm mô tô xe máy mà các bị cáo Lục Kim H, Đặng Đức T cầm giữ để buộc Long Văn H chuộc lại đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng trả lại cho chủ sở hữu là Long Văn H theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 28/9/2017. Ông Long Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/11/2017, ông H khẳng định đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì bồi thường thêm.

Đối với người làm chứng Hoàng Thị T: Bà T cho rằng không được bàn bạc hay lên kế hoạch với các bị cáo về hành vi cưỡng đoạt đối với Long Văn H, bà cho rằng bà và bị cáo H đã cãi nhau coi như là chia tay, việc bà đi cùng ai hay có tình cảm với ai là chuyện riêng. Bà không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo vì chính bà cũng bị H mắng và đẩy xuống giường, bản thân lo sợ bị đánh nên tất cả nghe lời bị cáo H và T.

Đối với người làm chứng Lê Thị Thanh T: Bà T cho rằng bị cáo H có dọn đồ sang phòng của bà và T đang ở, tuy nhiên bà không có bàn bạc hay lên kế hoạch với các bị cáo. Bà cũng không có liên quan, không hay biết T dẫn H về phòng và sự việc bị cáo H, bị cáo T đã làm với H, bà cũng bị T quát nạt và lo sợ nên không dám nói gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm b, g, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự; Tuyên bố các bị cáo Lục Kim H và Đặng Đức T phạm tội “Cường đoạt tài sản”; Xử phạt bị cáo Lục Kim H mức án từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng; Xử phạt bị cáo Đặng Đức T mức án từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24

đến 30 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét do không có yêu cầu bồi thường.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Các yếu tố cấu thành tội phạm:

Về mặt khách quan của tội phạm: Các bị cáo Lục Kim H và Đặng Đức T đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực và nói rõ ý định của mình buộc người có trách nhiệm về tài sản là Long Văn H phải giao số tiền 3.000.000 đồng cho người phạm tội trong một thời gian nhất định. Tuy các bị cáo không lấy được số tiền 3.000.000 đồng nhưng đó là do sự việc không diễn ra theo đúng mong muốn của các bị cáo. Bị cáo đe dọa sẽ dùng vũ lực và giữ các tài sản để làm tin nhằm chiếm đoạt số tiền trên của Long Văn H. Như vậy, trong trường hợp các bị cáo chưa gây ra hậu quả nhưng có ý thức chiếm đoạt và đã thực hiện hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực đối với người có trách nhiệm về tài sản là tội phạm đã hoàn thành. Đồng thời đã thỏa mãn về mặt khách quan của loại tội phạm này.

Về mặt chủ quan của tội phạm: Về lỗi, các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Mục đích của các bị cáo là mong muốn chiếm đoạt được tài sản của Long Văn H. Mặc dù trong quá trình đe dọa các bị cáo có giữ các giấy tờ xe, cho H viết giấy bán xe, giữ điện thoại và số tiền 150.000 đồng, nhưng có thể hiểu được rằng mục đích cuối cùng của các bị cáo muốn chiếm đoạt là số tiền 3.000.000 đồng.

Về mặt khách thể: Hành vi của các bị cáo cùng một lúc xâm phạm đến hai khách thể: quan hệ sở hữu và quan hệ nhân thân được pháp luật bảo vệ, nhưng chủ yếu là quan hệ sở hữu (tài sản); Đồng thời, gây ra những thiệt hại về tinh thần sợ hãi, lo âu đối với người bị hại.

Về mặt chủ thể: Căn cứ vào quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự, bị cáo Lục Kim H và bị cáo Đặng Đức T đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội do mình gây ra.

Từ những phân tích trên đây, hành vi của các bị cáo Lục Kim H và Đặng Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo Điều 135 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã truy tố, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo không có bản bạc trước về hành vi phạm tội. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng truy tố các bị cáo Lục Kim H và Đặng Đức T theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự như sau: " 1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm."

3. Đánh giá vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, Hội đồng xét xử nhận định đây thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo tuy có sự thống nhất với nhau về thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nảy sinh ý định phạm tội là do thiếu kiềm chế và ghen tuông, các bị cáo không phân công rõ nhiệm vụ, vai trò của từng người, ai là chủ mưu, ai là người thực hiện... các hành vi đe dọa sử dụng vũ lực của hai bị cáo đối với người bị hại là tương đương nhau và đều nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Do đó, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo là ngang nhau.

Đối với hai người làm chứng Hoàng Thị T và Lê Thị Thanh T: Các bị cáo đều thừa nhận bà T và bà T không biết trước về hành vi cưỡng đoạt tài sản đối với người bị hại, không được tham gia thực hiện cùng với các bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà T và bà T đều khẳng định không biết và không được bàn bạc gì với các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, do đó Hội đồng xét xử nhận định hai người làm chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Như vậy, các bị cáo Lục Kim H và Đặng Đức T đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức được hành vi đe dọa dùng vũ lực để nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ là vi phạm, tuy nhiên do các bị cáo muốn chiếm đoạt tài sản cho nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo đáng lên án, gây mất trật tự trị an tại địa phương và cần phải bị xử lý theo quy định pháp luật, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

4. Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra gây thiệt hại không lớn, các bị cáo đã tự giác giao nộp số tiền 150.000 đồng, tự nguyện sửa chữa; sau khi biết hành vi phạm tội bị phát hiện các bị cáo đã đến Công an thành phố Cao Bằng

đầu thú về hành vi của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho các bị cáo quy định tại điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Lục Kim H: Ngày 17/4/2013 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 02 năm, đến ngày 15/7/2015 bị cáo trở về địa phương, thời gian được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 18 tháng. Đối với bị cáo Đặng Đức T: Ngày 01/11/2011 bị cáo bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo đã nộp tiền phạt vi phạm năm 2011; thời gian được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đến ngày phạm tội lần này đã quá 6 tháng. Kể từ sau khi bị xử phạt hành chính cho đến khi thực hiện hành vi phạm tội này các bị cáo đều chấp hành tốt các quy định tại địa phương, không vi phạm pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 06/11/2013 Hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo, Hội đồng xét xử nhận định: Không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, có thể xem xét áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng án treo theo như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng là phù hợp, như vậy cũng đủ sức răn đe, đồng thời nhận định các bị cáo có khả năng tự cải tạo, sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích.

Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do người bị hại không có yêu cầu.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lục Kim H và bị cáo Đặng Đức T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lục Kim H 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lục Kim H cho Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện NB, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Đặng Đức T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đặng Đức T cho Ủy ban nhân dân phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc các bị cáo Lục Kim H và Đặng Đức T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na